

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

#### **GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4019/QĐ-BKHHCN ngày 31/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông, ban hành chức năng và nhiệm vụ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Kế hoạch xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2018-2020;

Theo đề nghị của Ban ISO Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Nông,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Lao động – TB&XH phù hợp với Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

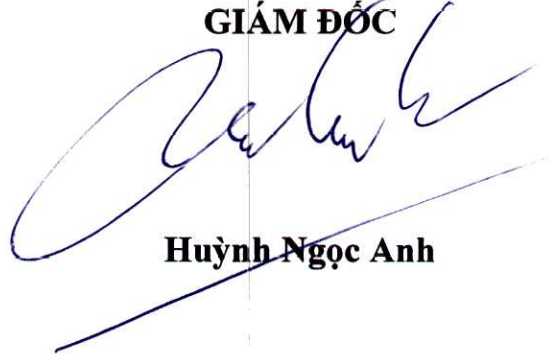
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 987/QĐ-LĐTBXH ngày 22/12/2014 của Sở Lao động – TB&XH về việc công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008.

**Điều 3.** Ban chỉ đạo ISO; Các phòng chuyên môn, Trung tâm Dịch vụ việc làm; Trung tâm Bảo trợ xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:** 

- Như Điều 3;
- Sở KH&CN (*để biết*);
- BBT trang thông tin điện tử Sở LĐTBXH (*công bố trên trang*);
- Lưu Ban ISO Sở.

**GIÁM ĐỐC**



**Huỳnh Ngọc Anh**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BẢN CÔNG BỐ**  
**SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

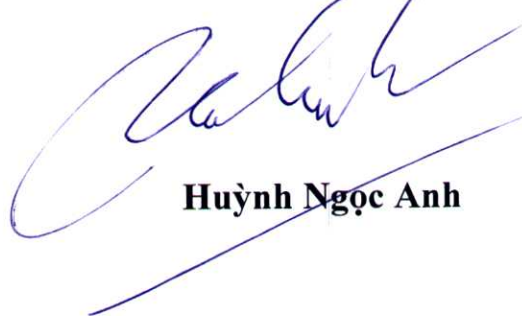
**Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 đối với các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.**

*(Kèm theo Quyết định số: 1656 /QĐ-SLĐTBXH ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Sở Lao động – TB&XH tỉnh Đắk Nông)*

**Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.**

*Đắk Nông, ngày 08 tháng 10 năm 2019*

**GIÁM ĐỐC**



**Huỳnh Ngọc Anh**

**DANH MỤC TÀI LIỆU HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG  
THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001: 2015 ÁP DỤNG  
TẠI SỞ LAO ĐỘNG – TB&XH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1636 /QĐ-SLĐTBXH ngày 08 tháng 10 năm  
2019 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội)

Số TT	Mã số	Tên tài liệu	Đơn vị thực hiện
1	CSCL	Chính sách chất lượng	Ban ISO, Các phòng Chuyên môn, Trung tâm Dịch vụ việc làm; Trung tâm bảo trợ xã hội
2	MTCL	Mục tiêu chất lượng	
3	MHCL	Mô hình hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015	
4	QT.HT.01	Xây dựng và báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng	
5	QT.HT.02	Kiểm soát thông tin văn bản dạng tài liệu	
6	QT.HT.03	Kiểm soát thông tin văn bản dạng hồ sơ	
7	QT.HT.04	Đánh giá chất lượng nội bộ	
8	QT.HT.05	Kiểm soát sự không phù hợp, hành động khắc phục và cải tiến	
9	QT.HT.06	Quản lý rủi ro và cơ hội	
10	QT.HT.07	Họp xem xét của lãnh đạo	
11	QT 01-VP	Xếp hạng một số loại hình công lập thuộc ngành Lao động – TB&XH	Văn phòng Sở
12	QT01-TE&BDG	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc gây tổn hại cho trẻ	Trẻ em và Bình đẳng giới
13	QT02-TE&BDG	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	
14	QT01-	Cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	Phòng chống tệ

	BTXH&PCTN			nạn và Bảo trợ xã hội
15	QT02- BTXH&PCTN	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân		
16	QT03- BTXH&PCTN	Cấp lại Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân		
17	QT04- BTXH&PCTN	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân		
18	QT05- BTXH&PCTN	Gia hạn Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện		
19	QT06- BTXH&PCTN	Gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân		
20	QT07- BTXH&PCTN	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân		
21	QT08- BTXH&PCTN	Thay đổi Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện		
22	QT09- BTXH&PCTN	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật		
23	QT10- BTXH&PCTN	Gia hạn Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật		
24	QT11- BTXH&PCTN	Cấp lại, điều chỉnh Giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở Lao động- TB&XH		
25	QT12- BTXH&PCTN	Cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở Lao động- TB&XH		
26	QT13- BTXH&PCTN	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – TB&XH		
27	QT14- BTXH&PCTN	Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động – TB&XH		
28	QT15- BTXH&PCTN	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động – TB&XH		
29	QT01-	Đăng ký nội quy của doanh nghiệp		Lao động –

	LĐVL&GDNN		Việc làm và Giáo dục nghề nghiệp
30	QT02- LĐVL&GDNN	Gửi thỏa ước lao động tập thể cấp doanh nghiệp	
31	QT03- LĐVL&GDNN	Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do UBND tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty à tương đương hạng I, II, III)	
32	QT04- LĐVL&GDNN	Báo cáo về việc thay đổi người quản lý, người giữ chức danh chủ chốt của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	
33	QT05- LĐVL&GDNN	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	
34	QT06- LĐVL&GDNN	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	
35	QT07- LĐVL&GDNN	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	
36	QT08- LĐVL&GDNN	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	
37	QT09- LĐVL&GDNN	Đăng ký Hợp đồng cá nhân đối với lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài	
38	QT10- LĐVL&GDNN	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	
39	QT11- LĐVL&GDNN	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	
40	QT12- LĐVL&GDNN	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài	
41	QT13- LĐVL&GDNN	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	
42	QT14- LĐVL&GDNN	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	
43	QT15- LĐVL&GDNN	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan Trung ương quyết định thành	

		lập); Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)
44	QT16- LĐVL&GDNN	Gian hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan Trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)
45	QT17- LĐVL&GDNN	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp
46	QT18- LĐVL&GDNN	Khai báo và đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động
47	QT19- LĐVL&GDNN	Hỗ trợ huấn luyện thông qua tổ chức huấn luyện cho người lao động ở khu vực không có hợp đồng lao động
48	QT20- LĐVL&GDNN	Hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (TNLĐ, BNN)
49	QT21- LĐVL&GDNN	Đăng ký công bố hợp quy đối với sản phẩm hàng hóa
50	QT22- LĐVL&GDNN	Đề nghị tất toán tài khoản ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi thực tập nâng cao tay nghề dưới 90 ngày
51	QT23- LĐVL&GDNN	Thông báo về việc chuyển địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp hoạt động cho thuê lại lao động
52	QT24- LĐVL&GDNN	Báo cáo tình hình cho thuê lại lao động
53	QT25-	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với

	LĐVL&GDNN	người quản lý Công ty TNHH MTV do UBND tỉnh làm chủ sở hữu	
54	QT26- LĐVL&GDNN	Cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	
55	QT27- LĐVL&GDNN	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Lao động – Việc làm và Giáo dục nghề nghiệp
56	QT28- LĐVL&GDNN	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	
57	QT29- LĐVL&GDNN	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	
58	QT30- LĐVL&GDNN	Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập thuộc tỉnh và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	
59	QT31- LĐVL&GDNN	Chấm dứt hoạt động phân hiệu trường trung cấp công lập thuộc tỉnh và trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	
60	QT32- LĐVL&GDNN	Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	
61	QT33- LĐVL&GDNN	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp	
62	QT34- LĐVL&GDNN	Xác nhận mẫu phôi chứng chỉ sơ cấp, mẫu phôi bản sao chứng chỉ sơ cấp	
63	QT35- LĐVL&GDNN	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	
64	QT36- LĐVL&GDNN	Cho phép mở phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (trụ sở chính tại tỉnh Đắk Nông)	
65	QT37- LĐVL&GDNN	Cho phép mở phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa (trong cùng một tỉnh với trụ sở chính của trường trung cấp)	
66	QT38-	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề	



	LĐVL&GDNN	ngành có vốn đầu tư nước ngoài	
67	QT39- LĐVL&GDNN	Thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở.	
68	QT40- LĐVL&GDNN	Thành lập hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực	
69	QT41- LĐVL&GDNN	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp	
70	QT42- LĐVL&GDNN	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp	
71	QT43- LĐVL&GDNN	Miễn nhiệm chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện	
72	QT44- LĐVL&GDNN	Cách chức chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện	
73	QT45- LĐVL&GDNN	Bổ nhiệm hiệu trưởng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện	
74	QT46- LĐVL&GDNN	Miễn nhiệm, cách chức hiệu trưởng trường trung cấp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện	
75	QT47- LĐVL&GDNN	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực	
76	QT01- TTBTXH	Tiếp nhận đối tượng Bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	Trung tâm Bảo trợ xã hội
77	QT02- TTBTXH	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	
78	QT03- TTBTXH	Dừng trợ giúp xã hội đối với đối tượng tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	
79	QT 01- TTDVVL	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	Trung tâm Dịch vụ việc làm

80	QT 02-TTĐVVŁ	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	
81	QT 03-TTĐVVŁ	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	
82	QT 04-TTĐVVŁ	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	
83	QT 05-TTĐVVŁ	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (Chuyển đi)	
84	QT 06-TTĐVVŁ	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (Chuyển đến)	
85	QT 07-TTĐVVŁ	Giải quyết hỗ trợ học nghề	
86	QT 08-TTĐVVŁ	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm	
87	QT 09-TTĐVVŁ	Thông báo về tìm kiếm việc làm hằng tháng	
88	QT 01-NCC	Giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động	Người có công
89	QT 02-NCC	Giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	
90	QT 03-NCC	Hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân trong các trường hợp: - Bị tạm đình chỉ chế độ do bị kết án tù đã chấp hành xong hình phạt tù; - Bị tạm đình chỉ do xuất cảnh trái phép nay trở về nước cư trú; - Đã đi khỏi địa phương nhưng không làm thủ tục di chuyển hồ sơ nay quay lại đề nghị tiếp tục hưởng chế độ; - Bị tạm đình chỉ chế độ chờ xác minh của cơ quan điều tra	
91	QT 04-NCC	Giải quyết chế độ trợ cấp đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ đi lấy chồng hoặc vợ khác	
92	QT 05-NCC	Giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	
93	QT 06-NCC	Sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	

94	QT 07-NCC	Di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng
95	QT 08-NCC	Giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ
96	QT 09-NCC	Đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ
97	QT 10-NCC	Giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ
98	QT 11-NCC	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ
99	QT 12-NCC	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ
100	QT 13-NCC	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng
101	QT 14-NCC	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến
102	QT 15-NCC	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
103	QT 16-NCC	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
104	QT 17-NCC	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày
105	QT 18-NCC	Giải quyết chế độ người HDKC giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế
106	QT 19-NCC	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng
107	QT 20-NCC	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần
108	QT 21-NCC	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần
109	QT 22-NCC	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ
110	QT 23-NCC	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết
111	QT 24-NCC	Giám định vết thương còn sót

112	QT 25-NCC	Mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân
113	QT 26-NCC	Lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình
114	QT 27-NCC	Giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, CamPuChia
115	QT 28-NCC	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
116	QT 29-NCC	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ
117	QT 30-NCC	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến
118	QT 31-NCC	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến
119	QT 32-NCC	Hỗ trợ di chuyển hài cốt liệt sĩ
120	QT 33-NCC	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi